

Số: 20/2023/QĐCNHGT-DS

TP. Trà Vinh, ngày 18 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các Điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của người khởi kiện Ngân hàng N và người bị kiện ông Nguyễn Văn T và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện về việc “*tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất*” đề ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Ngân hàng N.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 31 tháng 3 năm 2023 về việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:

Người khởi kiện: **Ngân hàng N.**

Trụ sở: Số 02, L, Quận B, thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Ông Tiết Văn T là Tổng giám đốc, đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Văn T, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N, là người đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền số 2965/QĐ-NHNO-PC, ngày 27/12/2019).

Người đại diện hợp pháp tham gia phiên hòa giải: Bà **Nguyễn Thị Bích N**, đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Văn Tuấn.

Địa chỉ: Số 70-72 L, phường H, thành phố T, tỉnh T;

Người bị kiện: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp V, xã L, thành phố T, tỉnh T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà **Trần Thị B**, sinh năm 1951;

2/ Bà **Nguyễn Thị Kim P**, sinh năm 1984;

Người đại diện hợp pháp của bà Phương: Bà **Trần Thị B**, sinh năm 1951, là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 10/02/2023)

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã L, thành phố T, tỉnh T.

3/ Bà **Nguyễn Thị Ngọc M**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp V, xã L, thành phố T, tỉnh T.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải

viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 31 tháng 3 năm 2023 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 31 tháng 3 năm 2023, cụ thể như sau:

Đại diện người khởi kiện bà Nguyễn Thị Bích N với người bị kiện ông Nguyễn Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị B, bà B đại diện bà Nguyễn Thị Kim P, bà Nguyễn Thị Ngọc M cùng thỏa thuận thống nhất:

Ông Nguyễn Văn T tự nguyện đồng ý có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N (gọi tắt là Ngân hàng) tổng số tiền nợ gốc và lãi còn nợ của hợp đồng tín dụng số: 7402-LAV-201700440 ngày 31 tháng 05 năm 2017 tính đến ngày 31/3/2023 là: **2.256.620.925 đồng** (bằng chữ: hai tỷ, hai trăm năm mươi sáu triệu, sáu trăm hai mươi ngàn, chín trăm hai mươi lăm đồng), trong đó:

+ Số tiền vay gốc: 1.700.000.000 đồng;

+ Số tiền lãi: 556.620.925 đồng

Kể từ ngày 01/4/2023 cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Văn T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 7402-LAV-201700440 ngày 31 tháng 05 năm 2017 nêu trên. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng số 7402-LAV-201700440 ngày 31 tháng 05 năm 2017 các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Nguyễn Văn T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Khi ông Nguyễn Văn T thực hiện xong nghĩa vụ trả số tiền nợ nêu trên, thì Ngân hàng N tự nguyện trả lại cho hộ bà Trần Thị B các giấy tờ gồm bản gốc giấy chứng nhận đối với tài sản:

+ Quyền sử dụng đất, diện tích đất: 1.500 m²; Loại đất: đất cây ăn quả. Thửa đất số: 572, tờ bản đồ số: 5, tại xã L, thành phố T, tỉnh Trà V. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H 431097. Cơ quan cấp: Ủy ban nhân dân Thị xã T cấp ngày 07/03/1997. Vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 06933QSĐĐ/UBTX. Hộ Trần Thị B đứng tên.

+ Quyền sử dụng đất, diện tích đất: 2.380 m²; Loại đất: đất ở - quả. Thửa đất số: 573, tờ bản đồ số: 5, tại xã L, thành phố T, tỉnh T. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H 431096. Cơ quan cấp: Ủy ban nhân dân Thị xã T cấp

ngày 07/03/1997. Vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 06934QSDĐ/UBTX. Hộ Trần Thị B đứng tên.

Nếu trường hợp ông Nguyễn Văn T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì ông Nguyễn Văn T, hộ bà Trần Thị B, bà Nguyễn Thị Kim P, bà Nguyễn Thị Ngọc M cùng thống nhất đồng ý cho Ngân hàng N được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý phát mãi các tài sản thế chấp mà các bên đã thế chấp cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 31/5 ngày 31 tháng 05 năm 2017 được ký kết giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng N với bên thế chấp là Trần Thị B và các thành viên trong hộ đồng sở hữu, để Ngân hàng thu hồi nợ.

* Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng), ông Nguyễn Văn T tự nguyện chịu toàn bộ số tiền này. Do người khởi kiện đã nộp tạm ứng trước, nên ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND TPTV;
- TAND TTV;
- Chỉ cục THADS TPTV;
- Lưu HS vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thu Trang